Chúng tôi có nhận đánh bóng điện hóa cho khớp nối !

Dành cho các khách hàng đang cân nhắc đánh bóng điện hóa các khớp đầu nối của mình

Tăng khả năng chống ăn mòn | Vệ sinh dễ dàng hơn | Ngăn ngừa sự bám dính của vật chất lạ

Công dụng của đánh bóng điện hóa

Công dụng lớn nhất mà đánh bóng điện hóa mang lại là chống ăn mòn. Các lợi ích khác bao gồm vệ sinh dễ dàng hơn cũng như giúp tạo khả năng chống gỉ và các chất bẩn khác nhờ bề mặt khớp nhẵn bóng.

Tăng khả năng chống ăn mòn — Sử dụng phương pháp khử trùng tại chỗ (SIP) để ngăn ngừa rỉ sét !

Vệ sinh dễ dàng — Bề mặt khớp nhẵn bóng giúp quá trình vệ sinh được nhanh hơn và hiệu quả hơn !

Ngăn ngừa sự bám dính của vật chất lạ — Giảm đáng kể chất lỏng còn sót lại trên bề mặt ống mềm nhờ đó vi khuẩn không thể sinh sôi !

■ Về đánh bóng điện hóa

Bề mặt của vật liệu đầu nối khớp (SUS 316L) tiếp xúc với chất dẫn được chà qua giấy nhám #400 và sau đó sẽ trải qua quá trình đánh bóng điện hóa.

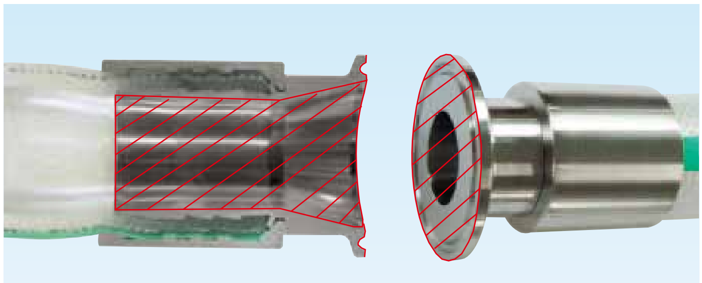

Các phần được đánh bóng điện hóa

■ Kích thước ống mềm thích hợp

Khớp siết và khớp gia công tại chỗ ống mềm có đường kính trong từ 19 đến 50 mm.

Lưu ý: Có thể không có loại khớp nối thích hợp với tất cả các kích thước ống mềm tùy thuộc vào loại ống mềm.
Vui lòng xem bảng dưới đây để biết thêm thông tin chi tiết về khớp nối.

⬇ Khớp nối thích hợp để đánh bóng điện phân ⬇

Ống dẫn bấm sẵn

■ Thông số của ống dẫn bấm sẵn loại dành cho thực phẩm (các ống mềm thích hợp: Dòng ống mềm TOYOSILICONE)

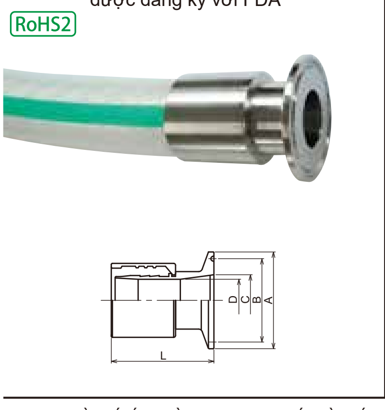

Loại đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	A	B	C	D	L
Đầu nối FERRULE loại HF FDA ※ Dòng ống mềm TOYOSILICONE được đăng ký với FDA RoHS2	HF-19-15A	19	TSI,TSIS, TSIS2, TSIP,HTSI	15A	34,0	27,5	17,5	16,5	54,0
	HF-19-1S			1S	50,5	43,5	23,0	16,5	54,0
	HF-25-1S	25	TSI,TSIS, TSIS2, TSIP,HTSI	1S	50,5	43,5	23,0	22,0	56,0
	HF-25-1.5S			1.5S	50,5	43,5	35,7	22,0	56,0
	HF-32-1.5S	32	TSI,TSIS, TSIS2,HTSI	1.5S	50,5	43,5	35,7	28,0	67,0
	HF-38-1.5S	38	TSI,TSIS, TSIS2,HTSI	1.5S	50,5	43,5	35,7	34,0	73,0
	HF-38-2S			2S	64,0	56,5	47,8	34,0	73,0
	HF-50-2S	50	TSI,TSIS, TSIS2	2S	64,0	56,5	47,8	46,0	75,0

Kích thước (mm): A, B, C, D, L

Vật liệu/Đầu nối ống mềm: SUS 316L, nắp đầu nối: SUS 304 ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

■ Thông số của ống dẫn bấm sẵn loại dành cho thực phẩm (các ống mềm thích hợp: Dòng ống mềm TOYOFUSSO)

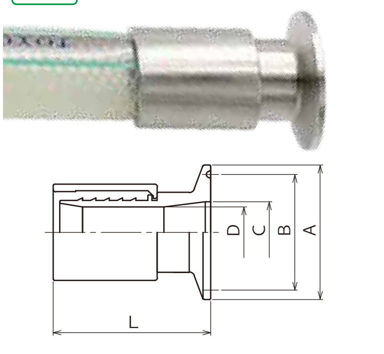

Loại đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	A	B	C	D	L
Đầu nối FERRULE loại HF FDA ※ Dòng ống mềm TOYOFUSSO được đăng ký với FDA RoHS2	HFB-19-15A	19	FF, FFS,FFE FFY	15A	34.0	27.5	17.5	13.8	60.0
	HFB-19-1S	19		1S	50.5	43.5	23.0	13.8	60.0
	HFB-25-1S	25		1S	50.5	43.5	23.0	19.0	56.0
	HFB-25-1.5S	25		1.5S	50.5	43.5	35.7	19.0	56.0
	HFB-32-1.5S	32	FF, FFS	1.5S	50.5	43.5	35.7	25.5	70.0
	HFB-38-1.5S	38		1.5S	50.5	43.5	35.7	31.0	73.0
	HFB-38-2S	38		2S	64.0	56.5	47.8	31.0	73.0
	HFB-50-2S	50	FF	2S	64.0	56.5	47.8	43.0	75.0

Kích thước (mm): A, B, C, D, L

Vật liệu/Đầu nối ống mềm: SUS 316L, nắp đầu nối: SUS 304 ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

■ Thông số của ống dẫn bấm sẵn loại dành cho thực phẩm (các ống mềm thích hợp: Dòng ống mềm ECORON)

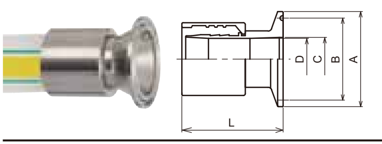

Loại đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	A	B	C	D	L
Đầu nối FERRULE loại HF RoHS2	HF-25-1S	25	EC,ECS	1S	50,5	43,5	23,0	22,0	56,0
	HF-38-1.5S	38		1.5S	50,5	43,5	35,7	34,0	73,0
	HF-50-2S	50		2S	64,0	56,5	47,8	46,0	75,0

Kích thước (mm): A, B, C, D, L

Vật liệu/Đầu nối ống mềm: SUS 316L, nắp đầu nối: SUS 304 ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

■ Thông số của ống dẫn bấm sẵn loại dành cho thực phẩm (các ống mềm thích hợp※1: Dòng ống mềm TOYOFOODS và TOYORING-F Hose)

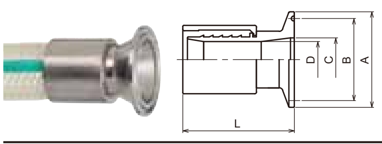

Loại đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	A	B	C	D	L
Đầu nối FERRULE loại HF RoHS2	HFA-25-1S	25	TFB,HTF,TFS,TGF	1S	50,5	43,5	23,0	19,0	56,0
	HFA-38-1.5S	38	TFB,TFS,TGF	1.5S	50,5	43,5	35,7	31,0	73,0
	HFA-50-2S	50		2S	64,0	56,5	47,8	43,0	75,0

Kích thước (mm): A, B, C, D, L

Vật liệu/Đầu nối ống mềm: SUS 316L, nắp đầu nối: SUS 304 ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

※1 Không bao gồm HYBRID TOYOFOODS-N Hose.

■ Thông số của ống dẫn bấm sẵn loại dành cho thực phẩm (các ống mềm thích hợp※1: Dòng ống mềm FUSSOTHERMO-S100℃)

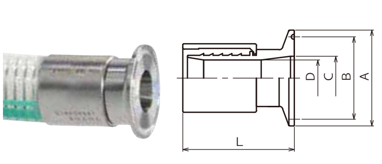

Loại đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	A	B	C	D	L
Đầu nối FERRULE loại HF RoHS2	HFC-12-10A	12	FSTH100C	10A	34.0	27.5	14.0	10.5	47.0
	HFC-15-15A	15		15A	34.0	27.5	17.5	13.5	47.0
	HFC-19-15A	19		15A	34.0	27.5	17.5	17.0	50.5
	HFC-25-1S	25		1S	50.5	43.5	23.0	22.6	52.5

Kích thước (mm): A, B, C, D, L

Vật liệu/Đầu nối ống mềm: SUS 316L, nắp đầu nối: SUS 304 ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

※ Vui lòng chỉ định loại đầu nối cần lắp và chiều dài ống mềm cần tích hợp khi bạn đặt đơn hàng.
※ Đầu nối không được bán riêng.

■ Phạm vi chiều dài cho phép của ống dẫn bấm sẵn (Dựa trên JIS B 8360)

Chiều dài ống dẫn bấm sẵn = mm	Dung sai = mm	
Dưới 500	+10	0
500 trở lên cho tới dưới 1000	+15	0
1000 trở lên cho tới dưới 2000	+20	0
2000 trở lên cho tới dưới 5000	+1,0%	0
5000 trở lên	+2,0%	0

Đầu nối nắp vặn ren/Đầu nối dạng clamp

■ Thông số TOYOCONNECTOR Loại TC6-F RoHS2

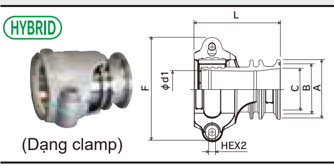

Hình thức của đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	L	ϕd1	F	A	B	C	HEX2
HYBRID (Dạng clamp)	TC6-F32-1.5S	32	TFB,TFS,TGF,EC,ECS,FF,FFS	1.5S	70.5	25.0	81.0	50.5	43.5	35.7	6
	TC6-F38-1.5S	38	TFB,TFS,TGF,EC,ECS,FF,FFS	1.5S	76.5	31.0	88.0	50.5	43.5	35.7	6
	TC6-F50-2S	50	TFB,TFS,TGF,EC,ECS,FF	2S	88.5	42.0	106.0	64.0	56.5	47.8	8

Kích thước (mm): L, ϕd1, F, A, B, C, HEX2

Vật liệu/Đầu nối: SCS16 (tương đương SUS316L), Clamp: SCS14 (tương đương SUS316), Nắp cao su: EPDM, Miếng chêm, Vòng đệm (chỉ kích cỡ 50): Polyaxetat ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi
Bu-lông: SUSXM7 (tương đương SUS304), Chất bôi trơn bộ phận ren bu-lông: Mỡ đã đăng ký NSF "H1" (mỡ áp suất cực cao)

■ Thông số TOYOCONNECTOR Loại TC6-FS RoHS2

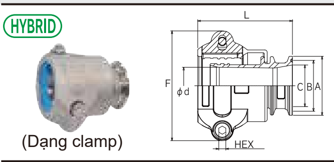

Hình thức của đầu nối	Mã sản phẩm đầu nối	Ống mềm thích hợp: Đường kính trong mm	Ống mềm thích hợp: Mã sản phẩm	Thông số của FERRULE	L	ϕd1	F	A	B	C	HEX
HYBRID (Dạng clamp)	TC6-FS32-1.5S	32	TSI, HTSI, TSIS	1.5S	76.0	26.0	86.0	50.5	43.5	35.7	6
	TC6-FS38-1.5S	38		1.5S	81.0	32.0	94.0	50.5	43.5	35.7	6
	TC6-FS50-2S	50	TSI, TSIS	2S	93.5	44.0	113.0	64.0	56.5	47.8	8

Kích thước (mm): L, ϕd1, F, A, B, C, HEX

Vật liệu/Đầu nối: SCS16 (tương đương SUS316L), Clamp: SCS14 (tương đương SUS316), Măng sông: PVDF ※ Sản phẩm tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi
Bu-lông: SUSXM7 (tương đương SUS304), Miếng chêm: PVDF, Vòng đệm (chỉ kích cỡ 50): PEEK